

Chưa lúc nào mà bản lĩnh VN đang được thử thách bằng lúc này. Cái bản lĩnh trong đấu tranh chống ngoại xâm, giành độc lập, làm cách mạng xóa bỏ xã hội cũ, xây dựng xã hội mới thành bản lĩnh dám dứt phá khỏi những nếp tư duy cũ kỹ theo những lối mòn quen thuộc để đưa dân tộc ra khỏi sự tụt hậu ngày càng đậm nét so với khu vực và thế giới về kinh tế. Cái bản lĩnh cần có khi chúng ta đang đối diện với những bước tiến như vũ bão của khoa học và công nghệ dẫn đến nền kinh tế tri thức ngày càng hình thành rõ nét trên nhiều nước, đối diện với quá trình toàn cầu hóa nghiệt ngã song không thể lẩn tránh.

Có thể nói rằng toàn cầu hóa là một hiện tượng "mở" đang vận động trên những chặng đường dài với biết bao diễn biến phức tạp và bất ngờ.

Nền kinh tế tri thức ấy là một hiện thực đang hình thành ở nhiều nước công nghiệp phát triển và đang có sức lan tỏa mạnh mẽ.

Kinh tế tri thức sẽ chiếm vị trí ngày càng lớn trong quá trình phát triển của thế giới, đó chính là thách thức lớn đối với chúng ta, song cơ hội lớn cũng nằm trong chính thách thức đó. Vì thế, mặc dầu vẫn còn là một nước đang phát triển, chúng ta không thể không tính đến tìm lối đi thẳng vào nền kinh tế tri thức theo cách của mình, trong hoàn cảnh và đặc điểm của mình, theo chiến lược và những bước đi phù hợp với trình độ hiện có. Cách đi như thế nào, đó là chuyện cần suy nghĩ, tính toán, song không thể không đi.

Chúng ta hiểu rằng nền kinh tế tri thức không xuất phát từ nhu cầu của các nước nông nghiệp đang bước

vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, những nước đang phát triển như nước ta. Nhưng trong điều kiện của toàn cầu hóa về kinh tế, quá trình chuyển biến có ý nghĩa toàn cầu từ nền kinh tế và xã hội công nghiệp sang nền kinh tế tri thức đang lôi cuốn tất cả mọi quốc gia, trong đó có nước ta, bằng cách này hay cách khác, tham gia vào dòng chảy của sự chuyển biến đó. Vì chưa có điều kiện để tham gia một cách thật chủ động nên những thiệt thòi và rủi ro là không tránh khỏi, nhưng mặc dầu, dòng chảy của sự chuyển biến lần này chứa đựng trong nó những thành tựu to lớn của khoa học và công nghệ, của trí tuệ loài người về kinh tế xã hội mà chúng ta có thể khai thác, tiếp thu, sử dụng để đẩy nhanh sự phát triển, bứt lên khỏi xuất phát điểm quá thấp hiện nay, đạt tới những mục tiêu mong muốn.

Chúng ta không hề quên một thực trạng là cho đến hiện nay, có đến 92,7% lao động nông nghiệp của ta chưa được đào tạo nghề và trong đó phụ nữ chiếm đa số và cũng mỗi năm, người lao động nông nghiệp có tới từ 5 đến 6 tháng "nông nhàn". Mà "nông nhàn" theo nghĩa trần trụi của nó là thất nghiệp và bán thất nghiệp. Mật độ dân số của ta hiện nay là 231 người/km², gần khoảng từ 5 đến 6 lần "mật độ chuẩn" (35 - 40 người/km²), nếu so với nước đông dân nhất thế giới là Trung Quốc, mật độ dân số của ta cũng gần gấp đôi. GDP bình quân đầu người của nước ta hiện nay chỉ bằng 1/10 của Thái Lan. Theo báo cáo của Ngân hàng thế giới năm 1999 thì, năm 1997, VN xếp thứ 186 trong tổng số 200 nước về GDP bình quân đầu người theo cách tính thông dụng và xếp thứ 167 theo cách tính so sánh sức mua của thu nhập (PPP). Theo

ĐỐI DIỆN VỚI NỀN KINH TẾ TRI THỨC THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI

GS. TƯƠNG LAI

VN không nằm ngoài dòng thác của những biến động đó. Chính vì thế mà phải vận dụng xu thế toàn cầu hóa để thực hiện quá trình hội nhập kinh tế một cách khôn ngoan, khai thác được những lợi thế, tránh được hiểm họa. Thái độ chủ động ấy không chỉ cần đối với sự vận dụng xu thế toàn cầu hóa mà cũng là cần đối với nền kinh tế tri thức.

Sự phát triển của tri thức gắn liền với lịch sử phát triển của loài người. Con người tạo ra tri thức và sử dụng tri thức để sống, để phát triển và hoàn thiện cuộc sống của mình. Tri thức được dùng để sống, rồi tiếp đó để làm, và đến giai đoạn hiện nay, tri thức có thêm một chức năng mới có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với kinh tế xã hội: dùng tri thức để tạo tri thức, chức năng mới này là nhân tố cơ bản làm nên bước chuyển biến mới, hình thành nên nền kinh tế tri thức (1).

2 PHÁT TRIỂN KINH TẾ



báo cáo của Tổng cục thống kê, tỷ trọng nông nghiệp của nước ta năm 1986 chiếm 41% GDP và thu hút khoảng 74% lao động, năm 1998 còn chiếm xấp xỉ 25% GDP và thu hút khoảng 70% lao động. Đó là một tỷ trọng quá cao và tốc độ chuyển giảm quá thấp. Điều này cho thấy tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta diễn ra quá chậm so với tiến trình của những nước đã phải trải qua thời kỳ công nghiệp hóa như nước ta. Ví như Hàn Quốc, vào đầu thập kỷ 60, tức là vào thời điểm bắt đầu công nghiệp hóa, tỷ trọng nông nghiệp chiếm khoảng 40% GDP và trên 50% lao động thì giữa thập kỷ 80, giảm xuống còn khoảng từ 10 đến 15% GDP và từ 10 đến 20% trong lao động xã hội và đến năm 1998 thì chỉ còn 4,8% trong GDP và 9% trong lao động xã hội. Như vậy là trong vòng 30 năm, Hàn Quốc đã giảm tỷ trọng nông nghiệp trong nền kinh tế của họ đạt tới cái chuẩn để trở thành một nước công nghiệp. Hoặc như Malaysia, trong vòng 20 năm, từ 1976 đến 1997, tỷ trọng giá trị sản phẩm nông nghiệp từ 26,8% giảm xuống còn 12,1%. Cũng trong thời gian ấy, Indonesia từ 29,7% giảm xuống còn 16%, Philippines từ 29,3% giảm xuống còn 18,7%. Còn ta, từ 48,6% giảm xuống còn 26,2%, tức là tỷ trọng giá trị sản phẩm nông nghiệp trong GDP của nước ta vẫn ở mức cao nhất và tốc độ giảm chậm nhất. Cũng trong cái mạch ý về "nông nhàn" đau xót đó, tôi muốn đưa thêm vài con số: theo Tổng cục thống kê, tỷ trọng nông nghiệp nước ta khi bước vào đổi mới, tức là 1986, chiếm 41% GDP với khoảng 74% lao động thì năm 1998 tỷ trọng đó còn chiếm gần 25% GDP với khoảng 70% lao động. Như thế cũng có nghĩa là, sau 15 năm đổi mới và tiến hành công nghiệp hóa, mặc dầu thành tựu của nông nghiệp là điểm son chói lọi nhất, đưa VN từ chỗ là nước thiếu ăn, phải nhập khẩu gạo, đến chỗ đứng hàng thứ nhì thế giới trong xuất khẩu gạo, song tỷ trọng nông nghiệp trong GDP mới chỉ giảm được 17% và trong lao động mới chỉ rút xuống có 4% mà thôi, mà sự giảm bớt tỷ trọng nông nghiệp và lao động nông nghiệp là những đòi hỏi của một nền kinh tế đang công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Các số liệu thống kê của Ngân hàng thế giới cho biết, với Indonesia, cứ sau 2 - 3 năm, GDP theo đầu người của họ tăng gấp đôi, còn Hàn Quốc thì để có sự tăng gấp đôi đó, họ chỉ cần có 28 tháng. Với ta, ta phải cần đến 16 năm mới tăng được gấp đôi GDP theo đầu người (vì từ 1986, mở đầu thời kỳ đổi mới cho đến 1999, GDP đầu người của ta tăng 1,55 lần).

Những con số đó nói lên cái tất yếu khắc nghiệt trước mắt dân tộc ta

là phải bằng mọi cách tìm ra con đường để bứt lên. Nếu không bứt lên thì nguy cơ bị gạt ra khỏi dòng chảy của sự phát triển hoặc bị nhấn chìm trong dòng thác của toàn cầu hóa không phải là không thể xảy ra. Mà bứt lên bằng cách nào nếu không là sự nhanh nhạy nắm bắt những thành tựu tiên tiến nhất của khoa học và công nghệ để cố gắng vận dụng vào thực tiễn của ta, tạo ra những bước đột phá trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng hiệu quả của nền kinh tế, tạo sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Quá trình ấy cũng chính là quá trình tiếp cận với nền kinh tế tri thức, chuẩn bị những điều kiện để đón nhận và tham gia vào một thực tế vô cùng sinh động và hấp dẫn của thế kỷ XXI, đồng thời cũng là sự thách đố nghiệt ngã đối với con người VN trước thềm thiên niên kỷ mới.

Con người VN vốn đã được rèn luyện để không hề chịu khuất phục trước bất cứ một thử thách gian nan nào để tồn tại và phát triển. Chỉ có điều, từ cái bản lĩnh quật cường chống ngoại xâm chuyển thành cái bản lĩnh tiến công vào nghèo nàn và lạc hậu, từ cái trí tuệ vận dụng trong chiến tranh "lấy yếu chống mạnh, lấy ít địch nhiều" chuyển thành trí tuệ chiếm lĩnh khoa học và công nghệ, trí tuệ của quản lý sản xuất kinh doanh, chiếm lĩnh thương trường và thị trường trong hội nhập kinh tế và cạnh tranh thương mại trong bối cảnh toàn cầu hóa và với sự phát triển ảnh hưởng mạnh mẽ của nền kinh tế tri thức đòi hỏi con người VN phải dám nhìn lại mình, thấy được những điểm yếu của mình để khắc phục và rèn luyện. Truyền thống VN, sự hy sinh của biết bao thế hệ VN không cho phép chúng ta chần chừ để cam chịu số phận lạc hậu và lạc điệu để bị nhấn chìm trong dòng thác của sự vận động đi tới của nền kinh tế toàn cầu hóa, hướng tới nền kinh tế tri thức. Chủ động chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho từng bước có chọn lọc để đi vào nền kinh tế tri thức cũng chính là một trong những khía cạnh của quyết tâm bức phá, tìm đường phát triển.

Đó là quyết tâm được xây dựng trên những dữ liệu mà thời đại đang tạo ra chứ không phải là những ước vọng vơ vớ ý chí. Những thành tựu của khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ tin học và viễn thông là những ví dụ sinh động về sự tác động mạnh mẽ của chúng đối với tất cả những góc ngách của cuộc sống đương đại minh chứng cho điều đó.

Sự phát triển nhanh chóng và ứng dụng rộng rãi công nghệ thông

tin đã góp phần quan trọng cho việc tạo ra những nhân tố năng động mới của nền kinh tế và xã hội mà chúng ta đang sống, đẩy tới sự hình thành nền kinh tế tri thức, tuy chưa phải của nước ta, song không thể nói là nó không có sự liên quan và ảnh hưởng nào. Công nghệ thông tin đã đóng vai trò quan trọng trong việc làm cho môi trường kinh tế xã hội biến đổi tận gốc rễ, và ta đã nhận thức được rằng đã đến lúc ta phải tự biến đổi chính mình để có thể tồn tại được trong môi trường mới đó.

Môi trường ấy không còn có thể coi là tất định và ổn định, ta không còn có thể điều khiển nó theo những con đường vạch sẵn. Môi trường mới ấy chứa đầy những yếu tố biến động và bất định, là không ổn định và không tiên đoán được, có độ phức tạp ngoài năng lực điều khiển của các phương pháp truyền thống. Tuy nhiên, nói thế không có nghĩa là con người đành phó mặc cho môi trường đưa đẩy. Con người không đứng ngoài để vạch ra cho hệ thống những mục tiêu định sẵn, những kế hoạch chung cứng nhắc, mà phải tự nhúng mình vào hệ thống, thích nghi với hệ thống, thu thập thông tin và tri thức để đánh giá tình hình và đưa ra giải pháp hành động (kể cả xác định mục tiêu và kế hoạch một cách cụ thể cho những yếu tố tạm thời ổn định), và vì mọi hiểu biết và hành động đều có thể sai, nên phải thường xuyên đánh giá lại tri thức cũ, giải pháp cũ để có hiểu biết mới, giải pháp mới cho tình hình đã thay đổi (2).

Chính vì thế, sáng tạo và linh hoạt tư duy cũng như trong hành động là phẩm chất hàng đầu của con người sống trong thời đại của nền văn minh mới, nền văn minh trí tuệ. Trong nền văn minh đó "sự thay đổi vĩ đại nhất sẽ là sự thay đổi về tri thức - về hình thức và nội dung - về ý nghĩa của tri thức, về trách nhiệm của tri thức và về những đặc điểm của con người có giáo dục" (3).

Đó cũng là thách đố gay gắt và nghiệt ngã đối với dân tộc ta. Đối diện với thách đố đó, đã đến lúc phải dám dũng cảm nhìn nhận lại chính mình, nhìn lại những mặt mạnh, và nhất là những mặt yếu của con người VN chúng ta. Bởi lẽ, là một nước nghèo, đông dân, không có ưu đãi nào của thiên nhiên về tài nguyên phong phú đặc biệt như một vài nước trên thế giới có được, thì vượt qua sự thách đố đó để bứt lên chỉ có thể dựa vào con người, phát huy đến cao độ nguồn lực con người. Nhưng là những con người như thế nào, với những phẩm chất gì để có thể đáp ứng được những thách thức nghiệt ngã đó? phải chăng đó là "con người có giáo dục" mà thời đại đòi hỏi?

Phạm trù “con người có giáo dục” của Peter Drucker, tác giả nổi tiếng của nhiều tác phẩm về khoa học kinh tế và quản lý hiện đại mà tôi dẫn ra ở trên, có một nội hàm tương thích với “sự thay đổi vĩ đại nhất, sự thay đổi của tri thức - về nội dung và hình thức - về ý nghĩa của tri thức”. Theo ông thì “con người có giáo dục sẽ phải được chuẩn bị để sống và làm việc đồng thời theo hai phong cách một con người “tri thức” tập trung vào tư duy, tư tưởng và một con người “quản lý” tập trung vào con người và công việc”. Cũng chính Peter Drucker đã cho rằng “cuộc cách mạng thông tin đang trên đường tiến tới. Đó không chỉ là cuộc cách mạng về công nghệ, về máy móc, về kỹ thuật, về phần mềm hay là về tốc độ. Mà đó, trước hết là cuộc cách mạng về các quan niệm” (4).

Khi nói đến việc chủ động hội nhập vào nền kinh tế tri thức toàn cầu hóa, tôi cho rằng, điều trước hết là phải cập nhật được với những “quan niệm” mới, ý tưởng mới về quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý xã hội, tổ chức các hoạt động của con người đang vận hành guồng máy kinh tế xã hội đó. Để cập nhật được với những cái mới đó, thì việc hết sức cần thiết lại là nhận cho rõ và khắc phục bằng được những nhược điểm cố hữu của “con người tiểu nông”, sản phẩm của nền kinh tế có truyền lạc hậu vẫn tiềm tàng dai dẳng đang là trở ngại cho sự phát triển.

Chẳng hạn như kiểu con người cần cù chịu khổ nhưng ít chịu cái tiến cách tân, cần cù theo kiểu “khéo tay hay làm” nhưng lại thiếu sự tính toán chính xác “được đầu hay dấy”, “lành làm giàu vỡ làm mất”. Dễ dàng thích nghi nhưng lại chậm biến đổi, kém sáng tạo “trăm hay không bằng tay quen”. Trong tình hình mới, những nhận hơn đầu tranh “một sự nhận là chín sự lành”, nặng về tình nghĩa mà nhẹ về luật pháp “bên ngoài là lý nhưng trong là tình”, cho nên dễ dàng hành xử theo lệ hơn là theo luật “phép vua thua lệ làng”. Thích nói đạo đức mà chưa thực sự đề cao tài trí và coi thường chữ lợi cùng với nghề buôn và thương nhân mặc dù vẫn biết rằng “phỉ thường bất phú”. Có tinh thần hiếu học, đó là truyền thống tốt đẹp song không thể không chỉ ra điểm bất cập trong tinh thần hiếu học đó, là học để làm quan, để trút bỏ được thân phận “chân lấm tay bùn” hơn là học để làm. Ưu điểm hiếu học vì vậy cũng dễ chuyển thành thói hiếu danh, học để lấy bằng chữ chưa phải là học để biết và biết để làm cho tốt, có hiệu quả, năng suất cao; chỉ biết một hương tiến thân duy nhất qua thi cử, chỉ thích làm thầy mặc dù là thầy dở mà không chịu làm thợ,

cho dù là thợ giỏi. Đây là chưa nói đến cái học từ chương để luyện cho con người đầu óc sao chép mà kém tri tưởng tượng, một phẩm chất cực kỳ cần thiết cho khám phá, sáng tạo để tìm ra con đường riêng của mình, tự bay cao, bay xa. Chọn ăn chắc mặc bền mà ít dám phiêu lưu mạo hiểm, “ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn”. Trọng danh hơn thực theo kiểu “một miếng giữa làng” vì vậy mà kém tinh thần thực nghiệm, ít đầu tư trí tuệ và tài năng cho việc làm ra ngày càng nhiều của cái vật chất, mà lại dồn sức cho việc chạy theo hư danh, phù phiếm, chẳng thế mà dư luận xã hội lại đề cao những tấm gương suốt đời đi thi không đỗ, ngoài sáu, bảy mươi tuổi vẫn “cố dăm ăn xôi” cứ cố lều chông vớt vát may ra giặt được bằng vàng.

Dẫn ra những nhược điểm cố hữu đó để thứ ra soát lại xem, dưới nhiều biểu hiện khác nhau, chúng đang tái sinh bằng những tên gọi khác nhau trong cuộc sống hôm nay, trở thành những vật cản ghê gớm. Một ví dụ, tâm lý trong “danh” hơn “thực” đang được phơi bày trong thói hư danh làm ô nhiễm bầu không khí xã hội mà lấy nay báo chí không ngại phê phán về tệ mua bằng bán điểm, xin học hàm, chạy học vị. Trong nhiều trường hợp lại thực hiện chuyện ngược đời cứ trước thi sau, khiến cho vấn đề trên càng trở nên trầm trọng vì người ta phải chạy cho được văn bằng để hợp thức hóa việc đề bạt và bổ nhiệm chức vụ mới. Cho nên có hiện tượng “lạm phát” người có bằng cấp, học vị, nhưng lại thiếu trầm trọng những nhà quản lý, nhà doanh nghiệp có năng lực, biết điều hành và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý các hoạt động xã hội. Hiện tượng “thừa thầy, thiếu thợ” có lẽ là một minh chứng khá tiêu biểu cho tâm lý nói trên: “số thực sĩ, tiến sĩ, thực tập sinh được đào tạo những năm gần đây nhiều gấp đôi công nhân bậc 7... nếu chỉ tính những sinh viên học nghề theo đúng nghĩa, số lượng hiện nay còn lại chưa bằng một phần năm so với ngày đất nước thống nhất...” (Lao động, 26.6.2000).

Một nhà toán học hàng đầu của VN, giáo sư Hoàng Tuy, gần đây đã đưa ra nhận xét về những điểm yếu của con người VN đối diện với những thách thức của nền kinh tế toàn cầu hóa, đó là thiếu “đầu óc kinh doanh hiện đại, cung cách làm ăn lớn, tính toán nhìn xa trông rộng, táo bạo, nhạy cảm và năng động với cái mới, thích ứng mau lẹ để xoay chuyển tình thế khi gặp khó khăn, bền bỉ và quyết tâm theo đuổi đến cùng một sự nghiệp được yêu thích, miệt mài học tập, ngâm nghĩ và phân tích sâu sắc, nghiên cứu nghiêm túc để tìm hiểu

cặn kẽ đạo lý của mọi vấn đề. Có lẽ do quá lâu quen sống trong cảnh nghèo thiếu nên người dân ta nhiều khi dễ nhin nhục an phận, dễ bằng lòng với những thay đổi nhỏ, những suy tính cá nhân hời hợt, thiên cận theo lối cổ con. Vì không cực đoan nên ít có đồ vỡ lớn, nhưng dễ bảo thủ, ít dám chấp nhận rủi ro tìm con đường mới, do đó cũng dễ lâm vào trì trệ triển miên. Không có thói quen tính toán hiệu quả, thiếu đầu óc thực tế, lại ham chuộng hình thức, chạy theo hư danh viễn vông, kém khả năng và kinh nghiệm hợp tác, góp sức cùng nhau thực hiện một mục tiêu, một kế hoạch lớn, cho nên ít xây dựng được ekip mạnh về một lĩnh vực nào, thường chỉ có nhiều cá nhân giỏi làm việc riêng lẻ mà không hợp lại thành những tập thể hùng mạnh xuất sắc. Cộng đồng người Việt ở hải ngoại ít có người giàu thật lớn, ít có nhà khoa học thật tầm cỡ, thường chỉ đến một địa vị nào đó là thỏa mãn, mệt mỏi, ít khi đeo đuổi tham vọng thật cao xa. Tất cả những nhược điểm trên đều sẽ trở thành những lực cản không cho phép chúng ta tiến nhanh” (5).

Chỉ ra những nhược điểm của con người tiểu nông đối diện với những thách thức mới không hề làm ảnh hưởng đến tính tự tôn dân tộc, ngược lại, chính vì dễ cho niềm tự hào VN không bị mai một trước mặt thế giới đang biến động dữ dội, phải dám có tinh thần tự phản tỉnh, tự chỉ trích để có thể thích nghi được với những thách thức mới đó. Không vượt qua chính mình, không thể đến được với nền kinh tế tri thức. Có lẽ vì chưa vượt qua được chính mình cho nên trên nhiều lĩnh vực, nền kinh tế nước ta vẫn giậm chân mãi ở tình trạng nghèo thông tin và tri thức, chưa có sức bật phát để vươn lên so với khu vực và thế giới.

Báo cáo của Ủy ban liên hiệp về khoa học công nghệ vì sự phát triển (1998) đã khuyến cáo: các nước đang phát triển từ những xuất phát điểm khác nhau đều cần xây dựng một kết cấu hạ tầng thông tin quốc gia để phục vụ các mục tiêu phát triển, hướng tới một “xã hội tri thức” đổi mới; và dù cái giá phải trả cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin đó là khá cao, nhưng cái giá phải trả cho việc không làm những cái đó chắc sẽ còn cao hơn rất nhiều. Chính vì vậy, chiến lược phát triển của đất nước ta, không thể nào khác, phải là chiến lược dựa vào tri thức và thông tin, chiến lược đi tắt, đón đầu với những ngành kinh tế mũi nhọn. Trước hết là công nghệ tin học và viễn thông, công nghệ sinh học, công nghệ siêu vật liệu, công nghệ nano (nanotechnology). Điều quan trọng là những ngành kinh tế mũi nhọn ấy

không đứng tách biệt và vượt trội, chỉ là mấy ngành tự chúng mang lại hiệu quả cao và lợi ích nhiều, mà còn phải hơn thế, những ngành mũi nhọn đó phải là động lực thúc đẩy và thâm nhập vào mọi lĩnh vực hoạt động trên qui mô lan rộng cả nước, mang lại sự chuyển biến toàn diện, sâu sắc và mạnh mẽ của cả nền kinh tế, tác động trực tiếp và lâu bền đến sự phát triển xã hội.

Ở đây có một vấn đề lớn đặt ra: nông thôn VN với gần 80% cư dân và nông nghiệp vẫn đang chiếm một tỷ trọng rất lớn về giá trị sản phẩm và về lao động trong nền kinh tế, đang hết sức cam go trong vấn đề chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động để thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa và hiện đại hóa, thì vấn đề kinh tế tri thức được nêu lên có phải là suy nghĩ viễn vông không? Tôi nghĩ rằng, nếu nhìn nhận thật tỉnh táo và với một tư duy đổi mới và mạnh dạn thì không phải vậy.

Chúng ta không quan niệm việc hướng tới nền kinh tế tri thức đi liền với loại bỏ kinh tế cũ truyền thống. Ngược lại, nếu trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, việc sử dụng công nghệ cao được đặc biệt chú trọng, và dần dần tiến đến đạt yêu cầu 70% sản phẩm có hàm lượng tri thức cao thì phải chăng, đó cũng là phương hướng tiến tới nền kinh tế tri thức trong hoàn cảnh của nước ta. Ngày nay công nghệ tin học viễn thông đã được ứng dụng rộng rãi để thiết lập các cơ sở dữ liệu và các kho thông tin phong phú trong mọi lĩnh vực, mọi cơ quan chỉ đạo và quản lý sản xuất, mọi doanh nghiệp. Chúng cũng đang được sử dụng tích cực để trợ giúp con người trong nhiều hoạt động trí tuệ, đặc biệt trong việc tìm kiếm và phát hiện tri thức để góp vào những quyết định trong kinh doanh, sản xuất. Từ chỗ cung cấp được những thông tin và tri thức kịp thời mà làm tăng khả năng của con người cũng như các tổ chức trong việc phản ứng nhanh, linh hoạt, thích nghi một cách nhanh chóng và có thể tự thay đổi trước những biến động khôn lường của môi trường. Điều này có ý nghĩa lớn đối với kinh tế nông nghiệp nước ta.

Nếu hiểu rằng giải pháp đột phá cho một chiến lược kinh tế dựa vào tri thức là đổi mới cơ chế quản lý, phát huy mọi khả năng sáng tạo của người dân và chăm lo phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài thì việc mạnh dạn khai thác những thuận lợi nói trên để làm cho gần bốn phần năm dân số đang sống ở nông thôn tiếp cận được với những thành tựu mới nhất của khoa học và công nghệ, đương nhiên là với những hình thức đơn giản nhất để rồi nâng

cao dần dần, sẽ là một đường lối thể hiện tính nhân bản sâu sắc. Cần nhắc lại rằng, mới gần đây người ta có nêu lên kinh nghiệm thành công tại một địa phương thuộc một nước châu Phi rất kém phát triển, qua Internet nối mạng cho từng hộ gia đình nông dân với thị trường nhiều nước, thậm chí thị trường toàn cầu, đưa đến hiệu quả kinh tế cao và những thay đổi sâu xa nhiều mặt. Tuy nhiên đây cũng chỉ mới là thành công còn rất cá biệt, trong một địa phương không lớn. Dù sao thì đó cũng là một gợi ý để suy nghĩ.

Sở với nông thôn những nước ở cùng một trình độ kinh tế, có lẽ nông thôn VN có một số kinh nghiệm:

- Nói chung cư dân nông thôn, trừ một số ở vùng sâu, vùng xa, miền núi giao thông khó khăn, đã được học hết bậc tiểu học.

- Nhiều chủ trang trại và chủ hộ gia đình nông dân, nhiều chủ nhiệm hợp tác xã... đang làm ăn phát đạt thì đã từng là những sĩ quan, những công chức nhà nước, những người trẻ tuổi năng động, vốn đã từng đi nhiều nơi, học được nhiều điều, đầu óc tương đối cởi mở, lại có học vấn và trình độ văn hóa khá.

- Hệ thống điện thoại và viễn thông khá hiện đại và rộng lớn trong cả nước, hệ thống truyền hình đang phát triển khá mạnh ở nông thôn. (Song về máy tính và nối mạng Internet thì còn quá ít).

- Từ thực tế cuộc sống, nhận thức và đòi hỏi của người nông dân VN không đến nỗi kém và đang tăng lên về sự cần thiết phải quan hệ với khu vực và thế giới trên nhiều mặt như công nghệ và quản lý sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản, hiểu biết thị trường, tiếp thị thương mại v.v..

- Cùng với cả nước, nông thôn VN, mặc dù vẫn còn rất nhiều khó khăn, mức sống vẫn đang thấp, song vẫn đang trong tiến trình đổi mới, một tiến trình không thể nào đảo ngược được, không thể dừng lại, và vẫn theo xu thế mở rộng hơn, toàn diện hơn.

Chính đó là những thuận lợi, nói một cách khác, đó cũng là lợi thế cần khai thác, phát huy nhằm tạo thêm những tiền đề mới, từng bước đưa công nghệ tin học, viễn thông thâm nhập vào mọi hoạt động phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao trình độ của người nông dân VN, những người vốn đã từng gánh trên vai mình những sứ mệnh lịch sử lớn lao.

Hơn nữa, nếu bản chất của nền kinh tế tri thức thể hiện ở chỗ của cải vật chất có được chủ yếu từ sự nắm bắt những gì chưa biết, không phải từ những gì đã biết, môi trường lý tưởng để nuôi dưỡng những gì chưa biết

chính là sự phát triển nhanh của việc ứng dụng công nghệ tin học, thì việc có ý thức chủ động đưa dân công nghệ tin học, viễn thông vào sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn là biểu hiện sự nhìn xa, trong rộng cần thiết chứ không phải là suy nghĩ viễn vông.

Chính ở đây thể hiện tập trung sự sáng tạo trong việc hội nhập kinh tế quốc tế, chủ động vận dụng xu thế toàn cầu hóa và sự hình thành nền kinh tế tri thức để có thể tìm ra những giải pháp đột phá, bất lên, rút ngắn khoảng cách đang có chiều hướng đoãng ra giữa nước ta với khu vực và thế giới. Cũng chính ở đây thể hiện khá rõ nét quan điểm về phát triển kinh tế gắn liền với công bằng xã hội.

Để làm được những công việc lớn lao đó thì lại phải nhắc đến một nhân tố quyết định nhất đã nói ở trên: con người. Mà là "con người có giáo dục" để có thể thích nghi và đáp ứng được với xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức không còn quá xa vời với chúng ta. Một nền giáo dục tiên tiến và một xã hội học tập cởi mở để tạo mọi điều kiện cho mọi người tự phấn đấu trau dồi tri thức luôn luôn mới mẻ và ngày càng phong phú không sao lường trước được. Đó là những đòi hỏi nghiêm cần của việc tạo vốn nhân lực cho nền kinh tế tri thức, xã hội thông tin mà chúng ta phải có quyết tâm chủ động tiến vào.

Đương nhiên là khó. Đúng là "chúng ta đang đi trên một con đường chưa có bản đồ" (7) như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng nhắc nhở, nhưng chính vì thế mà cần phát huy đến cao độ trí tuệ và bản lĩnh của con người VN trong chặng đường lịch sử mới này.

Trên mặt đất vốn không có đường, người ta đi lâu thì thành đường đấy thôi. Hình như câu nói ấy của đại văn hào Lỗ Tấn mà lúc này đây có thể nhắc lại và suy ngẫm ■

Tài liệu tham khảo

- 1,2: Phan đình Diệu "Tri thức là gì?", "Xã hội tri thức và vài suy nghĩ về con đường hội nhập của chúng ta". Tạp chí Xã hội học, số 4.1998 và số 2.1999
 - 3,4: Peter F. Drucker *Post - capitalist society*, Harper Business, 1993 (Bản dịch của Viện nghiên cứu quản lý trung ương 1995) và *Managing for the Future: The 1990s and Beyond*, Truman Talley Books/Plume, New York.
 - 5: Hoàng Tụy "Khi con người VN đi vào thời đại văn minh trí tuệ", *Tuổi trẻ* 24.6.2000
 - 6: Phạm Văn Đồng, *Văn hóa và đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, 1994.
 - 7: *UNDP Human Development Report*, New York, 1999
 - 8, 12: Lester C. Thurow, *The future of capitalism*, Penguin Books, 1997.
- và một số tài liệu khác.